

Bản án số: 468/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/05/2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2) Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cơ**_Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Bình Chánh không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 05 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 622/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 05 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 04 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Minh T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Cao Thắng, phường 12, quận 10, Thành phố H_có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Hồng D, sinh năm: 1984; Địa chỉ: số ấp 4, xã HL, huyện BC, Thành phố H_vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc: “*Ly hôn*” nguyên đơn là Ông Ngô Minh T trình bày giữa ông và Bà Lê Hồng D sau khi quen biết, tìm hiểu đã

tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số: 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/2010). Giữa ông và Bà Lê Hồng D chung sống với nhau có 02 (hai) con chung là Ngô Thúy An, sinh ngày: 31/01/2011 và Ngô Thúy Vy, sinh ngày: 26/05/2013.

Đầu năm 2016, do hai bên chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra xung đột bất đồng, gây gổ cãi vã nhau nên cả hai đã sống ly thân.

Tại Tòa hôm nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với Bà Lê Hồng D; Về con chung: có 02 (hai) con chung; Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý giao cháu Ngô Thúy Vy, sinh ngày: 26/05/2013 cho Bà Lê Hồng D tiếp tục nuôi dưỡng (vì cháu Vy đang ở với bà D); còn ông sẽ tiếp tục nuôi cháu Ngô Thúy An, sinh ngày: 31/01/2011 (vì cháu An đang ở với ông); không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có_không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung, các nghĩa vụ dân sự khác: không có.

Về phía Bà Lê Hồng D, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã nhiều lần triệu tập Bà Lê Hồng D đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Bà Lê Hồng D vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy báo hợp lệ, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật. Do Bà Lê Hồng D vắng mặt tại phiên tòa (mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ), nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà Lê Hồng D là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự, cùng các tài liệu có trong hồ sơ, đơn xin ly hôn của Ông Ngô Minh T đối với Bà Lê Hồng D, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định đây là vụ kiện Hôn nhân gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn”, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân cấp huyện theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Bà Lê Hồng D có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các biên bản tổng đạt của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh triệu tập Bà Lê Hồng D có mặt tại trụ sở Tòa án để tiến hành các bước tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà D vắng mặt không rõ lý do. Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tổng đạt giấy triệu tập bà D đến trụ sở Tòa án để tham dự hoà giải, dự phiên tòa cũng như Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập để trình bày ý kiến, giấy triệu tập hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai và giấy triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu bà D phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh để nghe xét xử sơ thẩm vụ án nhưng bà D vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Cho nên Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm công khai là phù hợp quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: năm 2010, Ông Ngô Minh T và Bà Lê Hồng D sau khi quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (đăng ký kết hôn vào năm 2010 theo giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số: 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/2010). Việc Ông Ngô Minh T và Bà Lê Hồng D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng là có thật và hai bên có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa Ông Ngô Minh T và Bà Lê Hồng D có nhiều mâu thuẫn. Năm 2016, do hai bên chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra xung đột bất đồng, gây gổ cãi vã nhau nên cả hai đã sống ly thân; Ông Ngô Minh T đã nộp đơn ly hôn đối với Bà Lê Hồng D tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh vì ông khẳng định rằng giữa hai người đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về: “Tình nghĩa vợ chồng”; Tại khoản 1 Điều 56 của

Luật Hôn nhân và gia đình có quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...”. Nay tại tòa Ông Ngô Minh T yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn đối với Bà Lê Hồng D. Đối chiếu các quy định trên của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của Ông Ngô Minh T xin được ly hôn đối với Bà Lê Hồng D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, giữa Ông Ngô Minh T và Bà Lê Hồng D có 02 (hai) con chung là Ngô Thúy An, sinh ngày: 31/01/2011 và Ngô Thúy Vy, sinh ngày: 26/05/2013.

Tại Tòa hôm nay, ông Ngô Minh Thoại đồng ý giao cháu Ngô Thúy Vy, sinh ngày: 26/05/2013 cho Bà Lê Hồng D tiếp tục nuôi dưỡng (vì cháu Vy đang ở với bà D); còn ông sẽ tiếp tục nuôi cháu Ngô Thúy An, sinh ngày: 31/01/2011 (vì cháu An đang ở với ông); không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận; Theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình thì hai bên có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở hai bên thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Ngô Minh T khai không có, nên Tòa không đặt ra để giải quyết; Về nợ chung, các nghĩa vụ dân sự khác: Ông Ngô Minh T tự khai không có nên Tòa không xét đến.

Về phía Bà Lê Hồng D, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào biên bản tổng đạt thông báo, các biên bản tổng đạt giấy triệu tập hòa giải, cho thấy Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho Bà Lê Hồng D theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Bà Lê Hồng D không có ý kiến và cũng không đến Tòa để hòa giải, chứng tỏ Bà Lê Hồng D không có thiện chí và không có ý thức tôn trọng pháp luật, do vậy nghĩ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của phía nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do Ông Ngô Minh T chịu.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 146, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Ngô Minh T đối với Bà Lê Hồng D.

Xử cho Ông Ngô Minh T được ly hôn với Bà Lê Hồng D. Giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số: 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/2010 không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao cháu Ngô Thúy An, sinh ngày: 31/01/2011 cho Ông Ngô Minh T tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Ngô Thúy Vy, sinh ngày: 26/05/2013 cho Bà Lê Hồng D tiếp tục nuôi dưỡng; không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu có yêu cầu Tòa giải quyết sau.

Ông Ngô Minh T và Bà Lê Hồng D có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3/ Về tài sản chung: Do Ông Ngô Minh T khai không có nên Tòa không đặt ra để giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Do Ông Ngô Minh T tự khai không có nên Tòa không xét đến.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do Ông Ngô Minh T chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Ông Ngô Minh T đã nộp là: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0030169 ngày 17/08/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Ngô Minh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích cho đương sự (người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự) biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự).

-Nơi nhận:

- TANDTP.HCM.
- VKSNDTP.HCM.
- VKSNDH.Bình Chánh.
- Chi cục Thi hành án DS H.Bình Chánh.
- Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện Bình Chánh.
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Hải